

"Vận động và chuyển đổi của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, dự báo và kiến nghị" là Đề tài khoa học cấp Nhà nước do Viện Xã hội học phụ trách. Trong khuôn khổ Tạp chí, theo yêu cầu của bạn đọc, chúng tôi đăng nguyên văn Báo cáo tổng kết của Chủ nhiệm Đề tài trong hai số Tạp chí 3 và 4 năm 1995. Ở số này, sẽ đăng ở phần Lý luận, phân Xã hội học thực nghiệm và Trao đổi nghiệp vụ.

TCXHH

KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC VỀ
PHÂN TẦNG XÃ HỘI –
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

TUÔNG LAI

Khi tiếp nhận Đề tài KX 04-02 : "Vận động và chuyển đổi của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, dự báo và kiến nghị", trong chương trình khoa học cấp nhà nước KX 04, chúng tôi suy nghĩ rất nhiều về cách chọn một hướng tiếp cận để có thể tập trung khả năng vào một chủ đề nhằm tiến sát đến với cốt lõi của sự chuyển đổi ấy.

Bằng những bài học kinh nghiệm rất ra từ những công trình nghiên cứu của Viện Xã hội học, chúng tôi chọn hướng nghiên cứu về *phân tầng xã hội* [social stratification] để mong qua đó mà hiểu được nét cơ bản nhất về cơ cấu xã hội đang chuyển đổi như thế nào từ cơ chế ca sang cơ chế mới. Nếu hiểu được nét cơ bản của sự chuyển đổi ấy tức cũng là tiền đề đưa đến những dự báo đề trên cơ sở đó mà kiến nghị những chính sách xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học.

Phân tầng xã hội đang là một vấn đề xã hội mang tính quy luật của kinh tế thị trường song lại là vấn đề gây nhiều tranh cãi về mặt lý luận cũng như về đời sống thực tế. Nghiên cứu sự phân tầng xã hội theo hướng phân tích về động lực của sự phát triển sẽ tiến sát dần mục tiêu của việc khảo sát thực trạng cơ cấu xã hội trong sự chuyển đổi nhằm tạo ra những nhân tố khởi động sức mạnh nội sinh, trong đó, nguồn lực của con người có ý nghĩa quyết định.

Chúng tôi ý thức được rằng, đi vào hướng nghiên cứu sự phân tầng xã hội để tìm ra động lực của sự phát triển và hình thành những kiến nghị được rút ra từ sự phân tích thực trạng và dự báo chiều hướng vận động của cơ cấu xã hội, chúng tôi sẽ đứng trước một thách thức khá gay gắt. Thách thức giữa luận cứ khoa học khách quan và một nếp nghĩ quen thuộc của một *chủ nghĩa bình quân* có cội nguồn lịch sử và được củng cố vững chắc trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung và bao cấp. Thách thức giữa lô gích khách quan và lạnh lùng của nguồn lực được khởi động trong sự cạnh tranh của cơ chế thị trường, nói cách khác, giữa tính quy luật của kinh tế thị trường với một hệ thống giá trị vốn đã hình thành trong một xã hội nông nghiệp lạc hậu, tự cấp tự túc không sao chuyên được sang nền kinh tế hàng hóa. Hệ thống giá trị ấy đã định hình trong một lối sống *trong đạo đức* hơn là *tài trí*, đặt chữ *nghĩa* cao hơn hẳn chữ *lợi*, đẩy thương nghiệp và thương nhân vào thang bậc cuối cùng trong sự sắp xếp giá trị *sĩ nông công thương*.

Chúng tôi ý thức được rằng, đi vào hướng nghiên cứu sự phân tầng xã hội sẽ đụng đầu với những vấn đề lý luận hiện nay chưa được sáng tỏ. Hơn bao giờ hết, chúng tôi cảm nhận được sâu sắc lời nhắc nhở của Mác: con đường khoa học không hề bằng phẳng và dễ dàng.

1. Kinh tế thị trường và phân tầng xã hội

Sự nghiệp Đổi Mới của chúng ta chỉ mới trải qua một chặng đường gần mười năm. So với quá trình giữ nước và dựng nước, chặng đường ấy chỉ là khoảnh khắc. Nhưng, những thành tựu được ghi nhận từ bước ngoặt trong công cuộc "*xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*" ấy cũng đã có thể đủ dữ kiện để có sự kiểm nghiệm khách quan và khoa học nhằm đưa tới những dự báo.

Bài học của lịch sử cho thấy rằng, khi nào khởi động được nguồn lực của con người Việt Nam hướng vào một mục tiêu tập trung để tạo ra được một hợp lực, một sự đồng thuận xã hội cao thì lúc ấy dân tộc ta giành được những thắng lợi lớn, đẩy đất nước đi tới một bước phát triển mới. Ngược lại, lúc nào nguồn lực ấy bị giảm sút, hợp lực bị phân tán, lực lượng sản xuất bị đình đốn thì xã hội ngưng trệ.

Cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng và kéo dài trong thời kỳ trước Đổi Mới là một hiểm họa nếu chúng ta không có quyết sách mạnh mẽ, đúng đắn và táo bạo. "Đây là một sự sáng suốt rất không đơn giản và nhanh chóng. *Chúng ta đứng trước một loạt vấn đề cực kỳ phức tạp và gay go, chưa có tiền lệ trong lịch sử bất kể nước nào*

Thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại, phải từ bỏ không luyến tiếc, chúng ta dần dần đi đến nhận thức về việc này một cách khảng khái. Song không phải từ

Thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại, phải từ bỏ không luyến tiếc, chúng ta dần dần đi đến nhận thức về việc này một cách khẳng khái. Song không phải từ đó mà thấy ngay được cái mới đúng với quy luật, có tính công phạt, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp lòng dân"¹

Từ bỏ mô hình kế hoạch hóa tập trung, bao cấp làm ngưng đọng và thui chột nguồn lực của sự phát triển, mạnh dạn chuyển sang cơ chế thị trường của nền kinh tế đa sở hữu là một quyết sách đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên của lịch sử. Những thành tựu đạt được về kinh tế và xã hội từ sau Đại hội VI của Đảng càng chứng minh luận điểm của Mác rằng *"một xã hội ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó, cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ"²*

Đã có một thời, chúng ta cứ ngỡ là có thể vứt bỏ quá trình lịch sử tự nhiên, thay vì giảm bớt cơn đau đẻ của lịch sử, chúng ta muốn đốt cháy giai đoạn, một giai đoạn của lịch sử tự nhiên, để muốn có ngay một xã hội lý tưởng, lý tưởng ấy vốn đã là mong ước bao đời của con người, lý tưởng mà chúng ta phải thực hiện từ thế hệ này đến thế hệ khác để cho nó dần dần trở thành hiện thực với những điều kiện chín muồi và với nhiều hình thức thích hợp, đa dạng và vô cùng phong phú. Nói là đốt cháy giai đoạn vì bằng chủ nghĩa duy ý chí, chúng ta đã dựng lên một *"mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội"³* mọi cố gắng đã hướng vào tô vẽ rồi bảo vệ bằng được cái mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội ấy mà tự cho phép mình đinh ninh rằng đó là bảo vệ chủ nghĩa xã hội khoa học, lý tưởng cao cả của chúng ta.

Chúng tôi hiểu khái niệm "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" ở nội dung nhầm lẫn về lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao cả, giấc mơ bao đời của nhân loại được C. Mác vận dụng những thành tựu của trí tuệ loài người ở thời đại ông để đem đến cho ước mơ cao đẹp ấy những cơ sở khoa học để từng bước biến lý tưởng thành hiện thực. C. Mác và Ang-ghen chưa hề dựng lên một mô hình cụ thể. Mác đã từng lưu ý đến những ai quan tâm đến học thuyết của ông *Không được biến quan điểm của các hình thái kinh tế xã hội thành một lý luận triết học lịch sử của tiến trình chung, được áp đặt như là một định mệnh cho tất cả các dân tộc, bất kể các hoàn cảnh lịch sử của họ. Còn Ang ghen trong thư gửi Karl Kautsky bàn về con đường phát triển của những nước thuộc địa đã viết rằng: "Khi ấy, những nước này cần phải trải qua những giai đoạn chính trị và xã hội gì cho đến khi họ cũng tiến tới tổ chức xã hội chủ nghĩa. Về điều này, tôi nghĩ rằng hiện nay chúng ta chỉ có thể đề ra những giả thuyết khá băng quơ mà thôi"* [tôi gạch dưới - T.L]⁴. Và đúng như vậy, "Trong lịch sử chưa có một mô hình xã hội chủ nghĩa nào, thậm chí những nhà sáng lập học thuyết Mác - Lênin cũng chưa bao giờ đề ra một định nghĩa có tính chất hình mẫu về chủ nghĩa xã hội khoa học, *chính khoa học là ở chỗ đó"* [tôi gạch dưới - T.L]⁵.

¹. PHẠM VĂN ĐỒNG : " *Văn hóa và Đối mới*" Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1994, trang 73.

². CÁC MỤC & PH. ANG-GI-EN toàn tập. Tập 23. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. và Nội - 1993, trang 21.

³. PHẠM VĂN ĐỒNG : "*Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh* . Nhà xuất bản Chính trị; Quốc gia. Hà Nội - 1993, trang 77.

⁴. *Mác - ANGGHEN tuyển tập* : Nhà xuất bản Sự Thật. Hà Nội - 1983. Tập V, trang 685.

⁵. PHẠM VĂN ĐỒNG : "*Văn hóa và Đối mới*". Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1994, trang 109.

Cái mô hình mà một số người tự cho mình là Mác xít dựng lên đã dần dần xa lạ với những ý tưởng khoa học của Mác về một chủ nghĩa xã hội khoa học. Mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu Staline đã ngày càng xa rời những quan điểm cơ bản nhất của học thuyết Mác, đã làm cho xã hội Liên Xô ngưng trệ, bước vào những khủng hoảng kéo dài và là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự sụp đổ từ bên trong.

Sự áp đặt một cách máy móc mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội ấy trên nhiều lĩnh vực đã làm chậm bước phát triển về kinh tế xã hội mà phải ngót nửa thế kỷ hy sinh xương máu mới có thể bắt tay vào công cuộc ấy. Mười năm sau ngày cuộc chống Mỹ cứu nước giành được thắng lợi hoàn toàn, non sông quy về một mối, thì cũng chính vào lúc ấy, những tích tụ của những sai lầm trên nhiều lĩnh vực chịu ảnh hưởng của "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" đã đẩy tới cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội cuối những năm 70 và đầu những năm 80.

"Thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại, phải từ bỏ không luyến tiếc", đó là cả một quá trình không đơn giản. Sự vật vã giữa cái cũ và cái mới trong tư duy, trong thói quen đã định hình thành cơ chế, thành lối sống đòi hỏi phải có thời gian. Thời gian để cho những đòi hỏi của cuộc sống trở nên chín muồi và cấp bách. Và đúng là cuộc sống với nhu cầu phát triển tự nhiên của nó mạnh hơn tất cả mọi giáo điều đã được học thuộc lòng. Nó thúc đẩy phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, và từ đổi mới tư duy kinh tế mà đổi mới tư duy trên mọi lĩnh vực. Từ chỗ kỳ thị với kinh tế thị trường, xem đó như là một cái gì xa lạ, đối lập với chủ nghĩa xã hội, chúng ta bắt đầu chấp nhận, và nhiều ngòi bút lại miệt mài bênh vực và chứng minh rằng kinh tế thị trường không là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, rằng kinh tế thị trường là tất yếu của sự phát triển, thậm chí là thành quả của nhân loại trong từng bước sáng tạo và tiếp nhận các nền văn minh. Trước đây Angghen đã từng khuyến cáo rằng người ta không thể cưỡng lại được các sự kiện kinh tế, còn Lênin thì nhắc nhở rằng: "Không có gì đại đột hơn là ý nghĩ về việc dùng bạo lực trong các quan hệ kinh tế"⁶

Chấp nhận kinh tế thị trường, xem đó là một bước tất yếu cần phải đi trên con đường hướng tới "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh", đương nhiên phải chấp nhận và làm quen với những sản phẩm cũng như những hệ lụy mà kinh tế thị trường đem tới. *Phân tầng xã hội là một trong những hệ lụy cơ bản nhất gây tác động mạnh đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, các tầng lớp cư dân, các cộng đồng xã hội.*

2. Vài nét về lý thuyết phân tầng xã hội

Trong một thời gian dài, thuật ngữ "phân tầng xã hội" ít được sử dụng trong sách báo lý luận của chúng ta, thay vào đó, chúng ta nói nhiều đến giai cấp, sự phân hóa giai cấp. Điều này dễ hiểu, học thuyết của Mác là học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Trên quan điểm Mác xít, chúng tôi hình thành cơ sở lý luận của việc phân tích giai cấp khi xem xét các hình thái kinh tế xã hội. Nhưng

⁶. LÊNIN toàn tập. Tập 38, trang 201.

cấp và đấu tranh giai cấp. Trên quan điểm Mác xít, chúng tôi hình thành cơ sở lý luận của việc phân tích giai cấp khi xem xét các hình thái kinh tế xã hội. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở khái niệm giai cấp thì dường như chưa đủ để đi sâu nhận dạng và phân tích về cơ cấu xã hội của xã hội ta hiện nay.

Hơn nữa, Mác không chỉ nói đến giai cấp, trong các trước tác của ông, người ta vẫn tìm thấy những ý tưởng về các tầng lớp nằm trong khái niệm giai cấp. Theo Celia S. Heller trong "Cơ cấu xã hội bất bình đẳng", sau khi trích dẫn những đoạn văn của Mác trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", ông viết: "Mác sử dụng thuật ngữ giai cấp ở đây theo một nghĩa về loài [generic sense] theo nghĩa hiện đại của tầng lớp nói chung hơn là một điển hình về tầng lớp cho chủ nghĩa tư bản. Do đó, ông đã nói đến "các giai cấp dưới" chế độ nô lệ và chế độ phong kiến cũng như chủ nghĩa tư bản. Ông nhìn nhận các giai cấp ấy không phải như những cấu trúc vững chãi mà lại là như chứa đựng những sự phân chia khác biệt mà các lợi ích thường là tách rời nhau. Với những sự phân chia đó, có lúc ông sử dụng thuật ngữ nói lên mức độ, có lúc ông lại sử dụng thuật ngữ nói lên các bộ phận. Ví dụ, "giai cấp trung gian lớp dưới là một bộ phận của giai cấp trung gian". Ông cũng chỉ những sự phân chia ấy là những tầng lớp và do đó ông nói đến "tầng lớp dưới của giai cấp trung gian"⁷

Dù sao thì thuật ngữ "phân tầng xã hội" trong nội dung phân tích giai cấp của Mác cũng chưa đủ để triển khai cuộc nghiên cứu về cơ cấu xã hội đang chuyển biến hiện nay, vì vậy, chúng tôi vận dụng những ý tưởng và thuật ngữ của Max Weber làm công cụ khái niệm trong thao tác những ý đồ lý thuyết của công trình nghiên cứu. Và chẳng, cũng theo C. S. Heller đã trích dẫn ở trên thì "Hai người khổng lồ của lý thuyết phân tầng là Các Mác [1818 - 1883] và Max Weber [1864 - 1920]. Chúng tôi bắt đầu với Mác không chỉ vì tác phẩm của ông đi trước tác phẩm của Max Weber về thời gian, mà còn là vì tác phẩm của ông là một bộ phận truyền thống tri thức [intellectual tradition] của Max Weber. Mặc dầu Weber đã từng phê phán Mác, cho rằng chủ nghĩa Mác nói chung dường như là một lý luận theo kiểu một nguyên nhân độc nhất là không đứng vững được [an "untenable monocausal theory"], nó đã rút gọn nhiều nhân tố nhân quả về lý luận một nhân tố độc nhất [a single - factor theorem]. Song lý luận về sự phân tầng của Weber có thể không nhận thức được tốt ở một người không có sự hiểu biết đầy đủ các tư tưởng của Mác về giai cấp. Theo nghĩa đó, toàn bộ tác phẩm của Max Weber [và đặc biệt là tác phẩm của ông về sự phân tầng] đã hình thành do cuộc đối thoại tri thức [intellectual dialogue] với Mác"⁸.

Chính trong chương "Các lý thuyết phân tầng, truyền thống cổ điển" trong cuốn sách này, C. Heller đã giải thích kỹ hơn: "Điều mà Mác quan niệm: những người có các phương tiện kinh tế cũng có có quyền lực và uy thế, thì Weber lại coi vì không chắc đã là như thế, bằng cách tạo ra ba khái niệm khác nhau: giai cấp, địa vị xã hội và quyền lực. Khi nghiên cứu về một hệ thống phân tầng nhất định, nhà xã hội học - nếu anh ta đã học những bài học của Max Weber - sẽ không cho

⁷. CELIA S. HELLER : *Structured social inequality*". "A reader in comparative social stratification". The Macmillan Company. London. Four printing 1970, p. 8 [Theo bản dịch "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" của Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội - 1980, Tuyển tập Mác Ang-ghen. tập I, trang 550 thì nguyên văn là "tất cả tầng lớp dưới của giai cấp trung đẳng xưa kia ". T.L]

⁸. Tác phẩm đã dẫn. Trang 7

rằng sự phân phối ba nhân tố trên là trùng lặp với nhau. Gánh nặng sẽ còn dựa vào ông để làm sáng tỏ về uy tín và quyền lực có mối tương quan với giai cấp như thế nào.

Khái niệm của Weber về giai cấp chỉ giống với khái niệm của Mác chừng nào nó dựa vào một tầng lớp kinh tế [economic stratum]. Song cả ở đây cũng không được bỏ qua một điều là với Max Weber, tầm quan trọng của nhân tố kinh tế nằm ở nơi nào đó hơn là trong mối quan hệ với tư liệu sản xuất. Khái niệm của Weber về giai cấp hẹp hơn khái niệm này của Mác vì nó chỉ nói lên có một loại hình tầng lớp trong một hệ thống như thế. Loại hình quan trọng khác, dựa vào uy thế hơn là vào tiêu chuẩn kinh tế, là nhóm có địa vị xã hội"⁹

Để làm sáng tỏ hơn những kiến giải trên, tôi dẫn ra đây một nhận xét khác của Wesley Sharrock trong cuốn "The New Introducing Sociology" do Peter Worsley chủ biên: "Không được đem đối lập Mác và Weber với nhau bằng cách nói rằng Mác có một lý luận về xung đột xã hội xem như là được chỉ đạo bởi các lợi ích còn Weber thì không có lý luận đó, vì Weber quá nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các lợi ích trong cuộc đấu tranh quyền lực trong xã hội. Sự khác nhau là thuộc về phạm vi lợi ích mà họ sẵn sàng công nhận là quan trọng: những người Mác xét có xu hướng chỉ biết có lợi ích giai cấp, còn Weber thì công nhận một phạm vi những là ích rộng hơn.

Weber coi tôn giáo có một tầm quan trọng lịch sử trong việc chỉ đạo hành động xã hội. Cả hai nhóm có địa vị xã hội đã nói ở trên [tức là hai nhóm có địa vị xã hội then chốt trong lịch sử của châu Á: các quan lại, đội ngũ các viên chức thực hiện sự cai trị của nước Trung Hoa truyền thống và những người Brahman, các thầy dòng, các tu sĩ và các nhà cai trị được coi là có ưu thế trong hệ thống đẳng cấp của Ấn Độ - T.L], các quan lại và các Brahman đều kết hợp với những tôn giáo chủ chốt, các quan lại thì với Khổng giáo, còn các Brahman thì với đạo Hindu"¹⁰

Weber đồng ý với Mác trong việc thừa nhận tầm quan trọng của xung đột trong xã hội. Ông nhấn mạnh đến việc nhìn nhận xã hội trong cuộc đấu tranh cho quyền lực. "Với Weber, sự phân tầng xã hội là một cách thức mà trong đó sự phân phối quyền lực trong xã hội được trở thành thể chế hóa. Do đó, càng lại giống như Mác. Weber nhìn giai cấp như là có gốc rễ trong các quan hệ sản xuất, và sự phân chia chủ chốt là sự phân chia giữa những người có sở hữu và những người không có sở hữu. Song Weber nhấn mạnh vào nhu cầu phải nhận ra hai loại nhóm có thể hình thành trong cuộc cạnh tranh giành quyền lực cộng thêm vào các giai cấp. Như chúng ta đã thấy, nhóm quan trọng nhất là nhóm có địa vị xã hội [status group], một nhóm được xác định không phụ là bởi sở hữu, mà bởi sự tín nhiệm: một nhóm người họ coi nhau như những người bình đẳng, và những nhóm khác lại nhìn họ như cấp trên hoặc là như cấp dưới. Song cơ sở của sự nhìn nhận lẫn nhau

⁹. Tác phẩm đã dẫn. Trang 10

¹⁰ The New Introducing Sociology. NXB Penguin Books, Peter Worsley chủ biên - 1992 [Xuất bản lần thứ tư có bổ sung và sửa chữa], trang 431.

của họ không phải là vị trí của họ trong sản xuất mà lại là mô hình tiêu dùng của hệ mà ông gọi là "lối sống" [life style]¹¹.

Phải chăng, theo cách phân tích của Raymond Aron trong "Les étapes de la pensée sociologique": "Đối với Max Weber, lý thuyết về công bằng (justice) bao hàm một antinomi [sự tự mâu thuẫn?] căn bản. Con người vốn có những khả năng không đồng đều về mặt chính thể, trí tuệ và đạo đức. Có một cuộc xổ số di truyền [loterie génétique] ở điểm xuất phát của sự sinh tồn của con người: những gien mà mỗi người chúng ta nhận được, đều là kết quả theo nghĩa riêng của thuật ngữ, của một xác suất. Vì sự không đồng đều là hiện tượng tự nhiên và đầu tiên, cho nên người ta có thể hoặc là có khuynh hướng xóa bỏ bất bình đẳng tự nhiên bằng một cố gắng xã hội hoặc là ngược lại, có khuynh hướng tăng thưởng cho mỗi người tùy theo các phẩm chất của họ. Max Weber đã khẳng định, hoặc đúng hoặc sai rằng giữa tính chất có tỷ lệ của các điều kiện đến những sự bất bình đẳng ấy, không có sự lựa chọn do khoa học chỉ đạo. Mọi người tự chọn lấy hoặc là Chúa, hoặc là quý sư của mình"¹²

Raymond Aron chỉ ra rằng với Max Weber, mỗi xã hội, về mặt lịch sử đều độc nhất và phức tạp. Theo ông ta: "sự nghiên cứu nhân quả có thể được định hướng theo hai hướng mà người ta gọi, để đơn giản hóa, là tính nhân quả lịch sử và tính nhân quả xã hội học. Tính nhân quả lịch sử quyết định cái hoàn chỉnh duy nhất đã gây ra một sự biến nhất định. Tính nhân quả xã hội học giả định sự thiết lập một quan hệ đều đặn". Chính vì thế, R. Aron cho rằng "Một cách chung hơn, toàn bộ tư duy nhân quả của Max Weber được diễn đạt bằng các thuật ngữ xác suất hay cơ may"¹³

Phải chăng là cần thiết cho việc vận dụng lý thuyết phân tầng của Max Weber bằng cách dẫn ra đây nguyên văn những ý tưởng của nhà xã hội học bậc thầy này: "Nói chung, chúng ta hiểu quyền lực là cơ may của một người, hay là của một số người thực hiện chí của họ trong một hành động chung, thậm chí chống lại sự phản kháng của những người khác không tham gia vào hành động. Quyền lực "do kinh tế quyết định" có nhiên không đồng nhất với quyền lực như nó tồn tại Trái lại, sự xuất hiện của quyền lực kinh tế có thể là hậu quả của quyền lực tồn tại trên cơ sở khác. Con người đấu tranh vì quyền lực không phải chỉ để làm giàu cho bản thân mình về mặt kinh tế. Quyền lực bao gồm cả quyền lực kinh tế có thể được đánh giá là "vì lợi ích của nó" mà thôi [for its own sake?]. Điều rất thường xảy ra là sự đấu tranh vì quyền lực cũng còn được quy định bởi "danh dự" xã hội mà nó kéo theo nữa. Song không phải mọi quyền lực đều kéo theo danh dự xã hội: ông chó điển hình người Mỹ cũng như một nhà đầu cơ lớn điển hình, từ bỏ một cách có suy nghĩ danh dự xã hội. Nói một cách khác, rất chung, thì quyền lực "đơn thuần kinh tế" và đặc biệt quyền lực "trần trụi" của đồng tiền không hề là một cơ sở được công nhận của danh dự xã hội. Quyền lực cũng không phải là cơ sở duy nhất của danh dự xã hội. Thực vậy, danh dự xã hội, hay là uy tín, có thể thậm chí là cơ sở của quyền lực chính trị hay quyền lực kinh tế và thường thường là nó như vậy. Quyền lực cũng như danh dự, có thể được bảo đảm bởi trật tự pháp luật

¹¹. Như trên, trang 430

¹². RAYMOND ARON trong "Les étapes de la pensée sociologique". Galimard. 1967. p. 526, 512, 517.

¹³. RAYMOND ARON trong "Les étapes de la pensée sociologique". Galimard. 1967, p. 517

nhưng ít nhất, một cách bình thường, trật tự pháp luật phải là nguồn gốc đầu tiên của quyền lực và danh dự. Trật tự pháp luật, đúng hơn là một nhân tố bổ sung nâng cao cơ may giữ quyền lực và danh dự, nhưng nó không thể luôn luôn đảm bảo cho danh dự và quyền lực.

Con đường mà trong đó danh dự xã hội thường được phân phối trong một cộng đồng giữa các nhóm điển hình tham gia vào sự phân phối đó, chúng ta có thể gọi là "trật tự xã hội". Trật tự xã hội và trật tự kinh tế cố nhiên có quan hệ tương tự như nhau với trật tự pháp lý. Tuy nhiên, trật tự xã hội và trật tự kinh tế không đồng nhất với nhau. Trật tự kinh tế đối với chúng ta chỉ là con đường mà trong đó các hàng hóa và dịch vụ kinh tế đã được phân phối và sử dụng. Trật tự xã hội, cố nhiên được quy định bởi trật tự kinh tế tới mức độ cao và đến lượt nó, trật tự xã hội lại phản ứng lại trật tự kinh tế"¹⁴

Như vậy là Max Weber cố gắng chứng minh rằng không có sự quyết định phiến diện của một yếu tố đối với toàn xã hội dù yếu tố đó là kinh tế, chính trị hay tôn giáo. Ông quan niệm các quan hệ nhân quả của xã hội học như là những quan hệ bộ phận theo nghĩa là một mảnh nhất định của hiện thực làm cho một mảnh khác của hiện thực có xác suất hay là không có xác suất. Max Weber phân tích quyền lực kinh tế có thể thu lượm được từ sự chiếm hữu quyền lực dựa trên các nền tảng khác. Địa vị xã hội hay uy tín có thể xuất phát từ quyền lực kinh tế, nhưng rõ ràng đây không là sự tất yếu. Ông ta đã đưa ra những trường hợp mà nhà doanh nghiệp này hay nhà doanh nghiệp khác mới phát lên, họ chưa có đủ một học vấn nhờ có quá trình giáo dục hay một truyền thống văn hóa để có thể chiếm lĩnh được vì thế xã hội cao.

Đặc biệt, Max Weber nhấn mạnh tầm quan trọng của thị trường như là cơ sở kinh tế cho một tầng lớp xã hội nào đó hơn là tài sản. Theo ông, nguyên nhân đầu tiên của bất bình đẳng trong xã hội là khả năng chiếm lĩnh thị trường tức là cái mà nhà doanh nghiệp nhờ bản lĩnh riêng của mình mà chiếm lĩnh được hoặc là tay nghề có được mà người lao động có thể bán được trong thị trường lao động.

Chính vì thế, mà nhiều nhà xã hội học hiện nay có xu hướng tiến gần sát lại với quan điểm của Max Weber khi phân tích về cơ cấu xã hội, đặc biệt là khi nhận dạng về "phân tầng xã hội". Người ta chú ý nhiều đến ý kiến của Max Weber phân tích về "hoàn cảnh thị trường": "Những người không có tài sản nhưng lại cung ứng dịch vụ thì cũng được phân hóa phù hợp với các loại dịch vụ của họ cũng như là phù hợp với cách thức họ sử dụng các dịch vụ đó, trong một quan hệ liên tục hay không liên tục với một nơi nhận. Song bao giờ thì đó cũng là ý nghĩa chung loại của khái niệm giai cấp: loại cơ may trong thị trường là yếu tố quyết định thể hiện một điều kiên chung cho số phận của cá nhân. Theo nghĩa đó, hoàn cảnh giai cấp 1 xét đến cùng, là "hoàn cảnh thị trường" [market situation]¹⁵

Phải dẫn ra khá nhiều những bình luận và những trích dẫn về Max Weber chỉ bởi một lý do đơn giản ông là người có nhiều ý kiến xác đáng về lý thuyết phân tầng xã hội, hơn nữa, những ý tưởng của Max Weber là sự bổ sung xác đáng cho

¹⁴. From MAX WEBER : *Essays in Sociology*". Editel and translated by H. H. Gerth and C. Wright Mills. Copynght hy Oxford University Press. Inc

¹⁵. Tác phẩm đã dẫn, trang 23

sự phân tích về giai cấp của Mác mặc dầu ông có những phê phán đối với Mác. Hơn nữa, Max Weber chưa được giới thiệu nhiều với giới nghiên cứu xã hội học ở nước ta.

Đương nhiên, khi dẫn ra Max Weber, chúng tôi vẫn không quên rằng, như Pierre Ansart đã nhấn mạnh: "Trong các hệ khái niệm hiện đại khác nhau, những sự chú ý đến các chiến lược và các quyết định cá nhân, đến những cuộc cạnh tranh và xung đột nhiều lên, đến những sự giao tiếp và đến các hiện tượng xã hội học vì mô đã hội tụ với nhau để gạt bỏ một cách nhìn kinh tế chủ nghĩa và quyết định luận. *Hệ khái niệm Mác xít, do sự nhất quán của nó về tầm quan trọng lịch sử của nó, đã không ngừng cấu tạo ra một mô hình của các khoa học xã hội và một đối tượng đặc biệt phong phú cho sự suy nghĩ xã hội học*"¹⁶.

Trên cơ sở cố gắng quán triệt những chỉ dẫn của Mác trong phân tích giai cấp và các hình thái kinh tế xã hội, chúng tôi cố gắng học hỏi để tiếp nhận và vận dụng những thành tựu lý luận về xã hội học hiện đại để có thể hình thành những điểm tựa cho việc xây dựng khung lý thuyết và lựa chọn phương pháp nghiên cứu. Trong những thành tựu đó, chúng tôi lưu ý nhiều nhất đến sự phân tích về thị trường là cái lâu nay chúng ta ít đề cập đến: "Hệ biến hóa của thị trường có lẽ là hệ biến hóa duy nhất có khả năng tham vọng một tính chất chung nhất định: uy thế, thu nhập, ảnh hưởng và quyền lực luôn luôn là những sự trả công phù hợp với một yêu cầu xã hội nhất định. Dĩ nhiên yêu cầu đó phụ thuộc vào các đặc trưng của hệ thống trong đó nó xuất hiện ... Ưu thế của hệ biến hóa của thị trường có lẽ phát sinh ít nhất một phần từ cái mà các khái niệm căn bản xác định nó, đó là khái niệm cung và cầu vừa tỏ ra là rõ ràng hơn nhiều và được áp dụng chung hơn nhiều so với các khái niệm: "tầm quan trọng chức năng", "các giá trị chung" hoặc "các quan hệ sản xuất"¹⁷.

Thực ra, về lý thuyết phân tầng, còn rất nhiều những nhà xã hội học có tên tuổi đã đưa ra nhiều quan điểm, nhiều ý tưởng rất đáng nghiên cứu. Trong phạm vi đề tài chúng tôi sử dụng những luận điểm chính của Max Weber trên cơ sở tìm thấy ở những luận điểm ấy đã hình thành do cuộc "đối thoại tri thức" với Mác. Điều ấy không có nghĩa là tước bỏ những đóng góp quý báu của các nhà xã hội học khác. Chẳng hạn như Vilfredo Pareto [1843 - 1923], nhà xã hội học người Ý, đã có những ý tưởng hết sức xuất sắc về chủ đề phân tầng xã hội.

Có thể dẫn ra đây một ý tưởng của ông trong tác phẩm "Các hệ thống xã hội chủ nghĩa viết năm 1903. "Vấn đề tổ chức xã hội không thể tự giải quyết bằng những lời tuyên bố dựa vào một lý tưởng ít nhiều mơ hồ về công bằng; mà chỉ dựa vào những sự nghiên cứu khoa học để tìm ra phương pháp làm cho các phương tiện cân xứng với mục đích, và với từng người, sự cố gắng và sự vất vả tương xứng với hưởng thụ, sao cho một số tối thiểu vất vả và cố gắng đảm bảo cho một số người đông nhất có thể một số tối đa phúc lợi". Trên lô gích đó, ông đề cập đến "lý thuyết về sự lưu thông của các nhóm tinh hoa". Ông bàn đến vai trò của *lớp tinh hoa cầm quyền* " [governing elite] và những người không phải là tinh hoa. Pareto

¹⁶. PIERRE ANSART : "Les sociologies contemporaines" Edition du Seuil - 9.1990, p.10.

¹⁷ RAYMOND BOUDON & FRANCOIS BOURRICAUD: "Dictionnaire Critique de la Sociologie" P.U.F xuất bản lần thứ ba. 1990

dẫn ra một đoạn văn chọn lọc của Mác trong đó có một số bình luận về cái gì đang diễn ra, dưới tiêu đề tính cơ động xã hội, các cá nhân lên hay xuống như thế nào từ một giai cấp này sang một giai cấp khác. Theo ông, một tính cơ động như thế trong lý luận của Mác có liên hệ với sự thay đổi xã hội.

Pareto hướng vào sự nhận thức tính cơ động xã hội được xem như là một hiện tượng phổ biến tồn tại trong mọi xã hội ở những mức độ khác nhau. Ông nói về những hệ thống khác nhau về tính cơ động giữa các tầng lớp, đưa ra những trạng thái chuẩn mực và những trạng thái thực tế. Pareto phân tích các chuẩn mực của một xã hội đã cản trở tính cơ động xã hội như thế nào, song tính cơ động vẫn tồn tại [xã hội đẳng cấp]. Ngược lại, các chuẩn mực có thể coi tính cơ động là vô hạn [xã hội tư bản] là định đề, song trên thực tế thì giá trị thực của nó là có giới hạn.

Ngoài ra, những ý tưởng của Auguste Comte, của Alexis de Toqueville, của Einile Durkheim, v.v... đều đã có những luận điểm cần được tham khảo về sự phân tầng xã hội.

Đây là nói đến những tác giả được xếp vào loại cổ điển của lịch sử xã hội học, còn những tác gia đương đại thì có rất nhiều trường phái, nhiều khuynh hướng khác nhau khi bàn đến vấn đề phân tầng.

Một trong số họ có ảnh hưởng lớn đến xã hội học đương đại là Talcott Parson [1902 - 1979]. Qua nhang tác phẩm lớn của ông, có thể tìm thấy nhiều ý tưởng sắc sảo về lý thuyết phân tầng, chẳng hạn như "Cấu trúc hành động xã hội" [1939], "Hướng tới lý thuyết tổng quát về hành động" [1951], "Hệ thống xã hội" [1951], các xã hội: những quan điểm so sánh và tiến triển" [1966]. Về lý thuyết phân tầng, quan điểm của Parson nhấn mạnh bốn loại giá trị: tính phổ biến [thể hiện ở năng lực thích nghi và những hiệu quả đạt được], tính mục tiêu [thể hiện ở chỗ mỗi xã hội đều có những mục tiêu được đặt ra, trong đó mục tiêu tập thể được đề cao so với mục tiêu của từng cá nhân], sự hội nhập xã hội [hòa nhập cá nhân vào xã hội, tạo nên sự đoàn kết xã hội], các mô hình văn hóa [đặc trưng văn hóa của từng xã hội biểu hiện thành truyền thống và được phản ánh vào trong mô hình văn hóa]. Là người đề cao lý thuyết hệ thống và chức năng, Parson luôn luôn lưu ý rằng *hệ thống là một trật tự tương tác*, một trật tự mà trong đó hoạt động của con người có tác động qua lại với nhau qua cái lô gích của hệ thống. Ông nhấn mạnh sự khác biệt giữa chức năng và thiết chế. Chức năng là những yêu cầu thực hiện còn thiết chế bảo đảm thực hiện các chức năng đó. Trên cơ sở những lập luận đó, Parson chú ý đến sự hợp tác xã hội trong mối liên quan giữa các tiểu hệ thống kinh tế, pháp luật, chính trị, các giá trị xã hội và văn hóa.

Điều tôi muốn lưu ý khi nói về Parson chính là: nếu lý thuyết phân tầng xã hội của Các Mác được xây dựng trên cơ sở xung đột xã hội thì với T. Parson, lý thuyết đó lại được hình thành trên cơ sở *hợp tác xã hội*.

Bên cạnh nhà xã hội học Mỹ có ảnh hưởng lớn đến xã hội học đương đại ấy còn có thể kể đến nhiều nhà xã hội học khác nữa mà ý kiến của họ về sự phân tầng xã hội cũng đáng được tham khảo. Pierre Bourdieu, một trong những nhà xã hội học được coi là lớn nhất của nền xã hội học Pháp hiện nay, là một ví dụ. Bất

đầu tư nghiên cứu các tộc người, ông chuyển dần sang phân tích những biến đổi về hành vi và thái độ xã hội gắn liền với những biến đổi về kinh tế và xã hội, ông đi sâu phân tích các vấn đề giáo dục và văn hóa ở các xã hội châu Âu.

Phát triển những tư tưởng của Max Weber, Bourdieu phân tích những mối quan hệ giữa các tầng lớp xã hội trên cơ sở của sự sở hữu về kinh tế, về văn hóa và về xã hội. Ông chỉ ra rằng mối quan hệ giữa *vốn kinh tế*, *vốn văn hóa* không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận với nhau. Đặc biệt là sự phân tích sâu sắc của Bourdieu về *vốn xã hội* với tính cách là những quan hệ xã hội được sử dụng phục vụ cho mục tiêu của cá nhân. Quyền lực được tạo ra từ cái vốn xã hội này có khi còn mạnh hơn cả vốn kinh tế hoặc vốn văn hóa.

Tóm lại, bước đầu vận dụng những hạt nhân hợp lý trong lý thuyết phân tầng của nhiều học giả trên cơ sở quán triệt phương pháp luận Mác xít, chúng tôi muốn cố gắng hướng tới những vấn đề cơ bản nhất nhằm tạo ra một cơ sở lý luận cho việc triển khai chủ đề nghiên cứu về phân tầng xã hội trong đề tài khảo sát về thực trạng cơ cấu xã hội và chính sách xã hội.

Trong quá trình triển khai công trình nghiên cứu này, một điểm tựa rất cơ bản về lý thuyết là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người đề ra chính sách đại đoàn kết toàn dân, nhằm tạo ra những hợp lực hướng vào những mục tiêu trước mắt và lâu dài của từng giai đoạn cách mạng.

Người không dùng đến thuật ngữ phân tầng, song trong những lời kêu gọi, những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn có mặt mà tầng lớp nhân dân, các giới sĩ nông công thương, theo một triết lý rất sáng tỏ: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Từ *Chương trình Việt Minh* năm 1941 cho đến *Di chúc* 1969, mỗi người Việt Nam đều tìm được chỗ đứng trong tư tưởng và tình cảm của Người. Người nói chân thành: "Trong số 20 triệu đồng bào [thư này viết năm 1947] chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận.

Nay muốn sửa đổi điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước, lợi dân, thì phải bắc cáo ngay cho Chính phủ biết"¹⁸.

Từ những ngày chính quyền cách mạng còn trong trứng nước, Người đã đặc biệt quan tâm giáo dục tầng lớp cán bộ có chức, có quyền không được lợi dụng chức quyền làm hại dân, hại nước. Người đòi hỏi cần phải quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân, không bỏ sót một ai: từ "các bậc phụ huynh", "các bậc hiền nhân chí sĩ" đến "các bậc phú hào yêu nước thương nòi", các bạn "công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương". Người kêu gọi "người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng hướng vào quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy"¹⁹.

¹⁸. HỒ CHÍ MINH: "*Về chính sách xã hội*". Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995, trang 127.

¹⁹. Sách đã dẫn, trang 191, 192.

Không phải là Bác Hồ không nói đến giai cấp. Người nói khi cần thiết. Nhưng Người nói nhiều đến dân tộc và đến các tầng lớp nhân dân. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, các tầng lớp nhân dân, các giới đồng bào trong nước và ngoài nước không đối nghịch với lý luận về giai cấp, nó phản ánh một nét đặc thù của xã hội Việt Nam, lịch sử Việt Nam.

Khi nghiên cứu về sự phân tầng xã hội ở Việt Nam, không thể không chú ý đến nét đặc thù đó.

3. Vài nét sơ lược về phân tầng xã hội ở nước ta trước đây

Phân tầng xã hội là một hiện tượng mang tính quy luật của kinh tế thị trường. Nói như vậy, không phải chỉ với kinh tế thị trường thì mới có phân tầng xã hội. Có sự *phân công lao động xã hội* thì nảy sinh ra sự khác biệt trong thu nhập, trong vị thế xã hội do quyền lực mà họ nắm giữ và do uy tín xã hội mà họ tạo dựng nên. *Bất bình đẳng xã hội*, xét đến cùng, nảy sinh cùng với sự phân công lao động xã hội. Phân tầng xã hội là hệ quả của cả hai tác nhân nói trên mỗi con người sống ở đời, ai cũng muốn mình được sung sướng, hạnh phúc. Nhưng nhìn vào bức tranh toàn cảnh của xã hội, trong cái đa dạng phức tạp và phong phú của xã hội, không ai hoàn toàn giống ai. Mỗi người đều có những hoàn cảnh riêng, khả năng riêng về trí tuệ, về học vấn và sự giáo dục, về thể lực và năng khiếu bẩm sinh đôi khi có thể bộc lộ ra. Sự thành đạt của mỗi con người trong bậc thang thăng tiến xã hội còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Sở hữu, quyền lực và uy tín xã hội là những yếu tố cơ bản nhất để người ta nhìn nhận về sự xếp đặt vị thế của mỗi người vào trong sự định hình của các tầng lớp, các nhóm xã hội của *hệ thống phân tầng xã hội*. Sự sắp xếp các vị thế xã hội và mối quan hệ giữa chúng là nét phổ quát của bộ mặt xã hội, nếu phân tích kỹ nét phổ quát ấy thì có cơ sở để hiểu ra được cái cốt lõi của cơ cấu xã hội đang tồn tại và vận động.

Trong các xã hội chậm phát triển, tính năng động xã hội kém thì về bề ngoài, dường như sự phân tầng xã hội diễn ra chậm. Tuy thế, không phải là bất bình đẳng xã hội do vậy mà ít đi.

Xã hội Việt Nam truyền thống phát triển chậm chạp, trong một phương thức sản xuất quá lạc hậu không mấy đổi thay. Trong cái xã hội nông nghiệp cổ truyền ấy cái cây chia vôi từ thời nhà Lý vẫn còn quen thuộc phổ biến cho đến thế kỷ XX này. Khi loài người chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, thì trên nhiều cánh đồng của châu thổ Bắc Bộ, dải châu thổ ven biển miền Trung, và thậm chí rải rác trên các cánh ruộng của đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh máy cày và các công cụ cơ giới khác, cái cây chia vôi vẫn còn thông dụng. Vào cuối những năm 80, 90 của thế kỷ XX này, thậm chí người ta tính toán là dùng sức người để cuốc, hoặc để kéo cày thay trâu vẫn "kinh tế hơn" trên nhiều thửa ruộng ở Thái Bình, Hải Hưng, Nam Hà, v.v... Có thể nó *không phổ biến, không điển hình*, nhưng đối với nhà xã hội học thì đó là những *chỉ báo* về rất nhiều điều đáng để nhận dạng và phân tích nguyên nhân của sự chậm phát triển của xã hội nông nghiệp truyền thống.

Trong xã hội ấy, nét nổi bật phổ quát là *một chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ*, một sự đồng đều không có mấy khác biệt đáng kể trong đại bộ phận

cư dân. Ngoại trừ một số nhóm giàu lên do chiếm lĩnh được những vị trí quyền lực và sở hữu có được do quyền lực ấy tạo ra, hoặc ngược lại, do giàu có mà có quyền lực hoặc có quan hệ với quyền lực, đa số các tầng lớp cư dân cùng chia sẻ một số phận không mấy khác biệt. Người ta tự an ủi bằng một triết lý: "ai giàu ba họ, ai khó ba đời". Người ta hy vọng có dịp ngoi lên khỏi vị thế hiện tại vì có một sự thật là tầng lớp có đặc quyền, đặc lợi không duy trì lâu dài được vị thế của ông cha để lại: "ai giàu ba họ" ! Sự vượt trội lên của những gia đình, những nhóm giàu có và quyền thế thường là không lâu bền, sự tái tạo về văn hóa để định hình một lối sống thường không vững chắc. Nói như một nhà nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật khi truy tìm về những danh nhân văn hoá Việt Nam là *cây phở hệ* rất ngắn²⁰. Điều ấy có lẽ cũng không chỉ dừng lại ở danh nhân văn hóa, mà là nét chung của sự tái tạo lâu bền của những nhóm chiếm vị thế cao trong xã hội Việt Nam cổ truyền.

Không "ai giàu ba họ", rõ ràng là sự phân tầng về kinh tế không rõ nét, mà rõ hơn và ổn định dài lâu hơn là sự phân tầng về tuổi tác, và tiếp đó là về nghề nghiệp. Nếu "triều đình trọng tước", mà tước vị ấy gắn liền với các triều đại thường thường là ngắn ngủi, "một phen thay đổi sơn hà, mảnh thân chiếc lá biết là về đâu" thì cái thứ bậc tuổi tác của làng quê cổ truyền lại bền vững hơn rất nhiều. Nước có thể mất - mà nêu khái niệm nước lại gắn với triều đại vua chúa - để khi một triều đại đổi thay có thể người ta cho là vận nước suy, chứ không đợi phải khi có nạn ngoại xâm đô hộ, trong cả hai trường hợp đó, nước mất nhưng làng thì vẫn còn. "Làng nước trọng xỉ", ông bảy mươi phải học ông bảy mốt, thứ bậc ấy là khá nghiêm ngặt.

Rồi cùng với sự phân tầng về tuổi tác, xã hội Việt Nam cổ truyền còn có một sự phân tầng về nghề nghiệp theo thứ bậc khá rạch ròi của "sĩ, nông, công, thương". Sự phân tầng này có lẽ rõ nét về chức nghiệp và học vấn nhiều hơn là theo của cải. Cần lưu tâm đến nhận xét của một nhà sử học: "Ở Việt Nam, đối với nhiều thời kỳ không thể không chú trọng việc phân tích đẳng cấp. *Đẳng cấp thì nhiều, nhưng ranh giới giữa các đẳng cấp lại không thật nghiêm ngặt đó là một đặc điểm mà nhà lịch sử cũng như nhà lịch sử tư tưởng phải chú ý*"□ .

Với đại bộ phận cư dân là tiểu tư sản nông thôn và tiểu tư sản thành thị, sở hữu lớn tư nhân không phát triển. Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XVII, XVIII, sở hữu công xã giải thể để thay vào Bỏ hữu nhỏ của người tiểu nông, sở hữu của địa chủ chỉ chiếm khoảng 20% ruộng đất.

Sự không phát triển sở hữu lớn tư nhân và địa chủ, một mà không tạo điều kiện cho quá trình tích tụ tư bản để đẩy tới nền kinh tế hàng hóa lớn, nhưng mặt khác lại tạo ra sự cố kết quốc gia, cố kết làng nước. Nếu trong nền văn hóa của mỗi dân tộc đều có tính cộng đồng và tính giai cấp thì trong nền văn hóa Việt Nam có sự ưu trội của tính cộng đồng.

²⁰. THÁI BÁ VÂN : Tư liệu Viện Xã hội học.

Phải chăng những đặc điểm nói trên đã tạo ra sự hòa đồng tương đối của xã hội Việt Nam cổ truyền mà sự mất ổn định thường thường là do thiên tai gây ra mất mùa, đói kém làm thổi bùng lên mâu thuẫn tiềm tàng giữa nông dân với cường hào địa chủ và bộ máy quan lại, thêm vào đó là những xung đột do sự bùng nổ dân số gây nên.

Tính ổn định trì trệ của xã hội tiểu nông phản ánh vào trong sự phân công lao động xã hội rất đơn giản hướng vào củng cố sự ổn định ấy. Cơ hội thăng tiến xã hội của các nhóm xã hội cư dân thật là ít ỏi ngoài con đường độc nhất là học hành, thi cử để bước vào hoạn lộ. Khoa cử với một bề ngoài có vẻ dân chủ đó, thật ra chỉ thu hút được một số rất ít trong cái biển mênh mông của một mặt bằng dân trí thấp. Trong xã hội tiểu nông cổ truyền ấy, tính cơ động xã hội rất thấp, phân tầng xã hội vẫn đã diễn ra song không trở thành động lực của sự phát triển mà chỉ có tác động làm nổi lên sự bất bình đẳng xã hội. "Tình trạng bình quân trong sự nghèo khổ chung che dấu có hiệu quả tính chất chuyên chế của nhà nước, tính chất đặc quyền của tầng lớp quan lại và sĩ phu. Người dân dễ chấp nhận việc chung của bề trên, của vua quan trong nước và cha chú trong làng, không phải phạm mình thì không được nói leo. Đối với vua quan, dân là "con đở". Là phạm con em, họ phải chờ đợi người trên chiếu cố, đối xử khoan huệ, thương đến, ra ơn cho họ, có oan thì kêu, không được chống đối"²¹

Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và tiếp theo đó là cuộc chiến tranh ở biên giới tạo ra những biến động dữ dội của xã hội ta gần 40 năm. Chiến tranh, dù sao công là giai đoạn bất bình thường trong sự phát triển của xã hội. Tuy vậy, kể từ tháng 10 năm 1954, miền Bắc đã đi vào thời kỳ xây dựng và từ tháng 5 năm 1975 thì cả nước bắt tay vào công cuộc phát triển kinh tế trong bối cảnh tàn phá của chiến tranh để lại. Với một nỗ lực phi thường, nhân dân ta đã thu được những thắng lợi to lớn, đồng thời lại phải đương đầu với những khó khăn mới mà trước đó, khó có thể hình dung được. Chúng tôi sẽ không đi sâu phân tích thuận lợi và khó khăn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, mà chỉ dừng lại phân tích ở khía cạnh xã hội để *nhận diện về sự phân tầng xã hội diễn ra trong giai đoạn này*.

Về mặt lý luận, chúng ta quan niệm nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ sau 1954 và trong cả nước từ sau 1975 là sự *cải biến về chất* về mặt xã hội so với thời kỳ trước đó, song trong thực tế, lịch sử lại ghi nhận một *chủ nghĩa bình quân mới* mà gốc rễ của nó thì vẫn nằm sâu vào cơ tầng của xã hội tiểu nông cũ.

Chịu sự chi phối của cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội", các chính sách kinh tế và xã hội nghiêng về tổ chức lại quan hệ sản xuất một cách nóng vội, duy ý chí. ở thời kỳ đầu của quá trình hợp tác hóa và xây dựng các hợp tác xã, chúng ta bắt gặp sự *ưu trội của tính cộng đồng* trong tâm thức của người nông dân cho nên phần nào quá trình ấy diễn ra suôn sẻ. Nhanh chóng xác lập và đẩy mạnh chế độ công hữu (sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân), thoát đầu, với một xã hội

²¹. TRẦN ĐÌNH HUỖU : "Đến hiện đại từ truyền thống". Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX 07 xuất bản. Hà Nội - 1994, trang 182.

mà chế độ công diên, công thổ vốn không lạ lẫm gì, sức chống đối tuy âm ỉ nhưng không bùng lên thành biến động xã hội. Nhưng hậu quả của việc xác lập quan hệ sản xuất lấy chế độ công hữu làm nền tảng một cách vội vã ấy là lực lượng sản xuất bị kìm hãm và ngưng trệ, tính năng động của người lao động bị xói mòn và triệt tiêu dần. Những khuôn mẫu giáo điều cứng nhắc kìm ham lực lượng sản xuất ấy đã đẩy xã hội đi đến chỗ khủng hoảng trầm trọng và kéo dài về kinh tế cũng như về xã hội.

Một chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ, một mặt lập lại sự thu nhập khá đồng đều trong tuyệt đại bộ phận dân cư về kinh tế, nhưng mặt khác lại tiềm ẩn những bất bình đẳng xã hội do chế độ bao cấp đặc quyền đặc lợi gây nên. Sự phân tầng về mặt kinh tế [thu nhập và sở hữu] có vẻ không có, nhưng những sự phân tầng theo thứ bậc hành chính và kéo theo nó là những lợi thế về mặt đời sống (bao gồm cả thu nhập, sở hữu và nhiều lợi thế khác nữa như những ưu tiên cho sự thăng tiến xã hội của con cái, họ hàng... những đặc quyền về hưởng thụ văn hóa và giao tiếp quốc tế v.v...) là khá nặng nề.

Ở đây, lại thấy sự lập lại các thứ bậc từng bảo lưu dai dẳng trong xã hội cổ truyền: si, nông, công, thương ! Một xã hội kỳ thị với kinh tế thị trường, xem đó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản đáng nguyên rủa, tất nhiên phải *miệt thị thương nhân*, bọn "con buôn" mặc dù trong làn sóng ngấm thì quan niệm "phi thương bất phú", không phải là không được sử dụng. Cách tuân hàng của nhà nước, của mậu dịch quốc doanh ra chợ đen, thậm chí cách mua bán "tem phiếu" các loại cũng giúp vào tạo nên thu nhập và sở hữu cho những ai có cơ may chiếm lĩnh được một vị trí hành chính hoặc kinh tế béo bở. Ở đây không cần bàn đến các cung cách "thủ kho to hơn thủ trưởng" hoặc cách lợi dụng quyền uy thật kịch cớm và thâm hại [tuy không kém phần lợi ích] của cô mậu dịch viên bán thực phẩm, cô mậu dịch viên ở cửa hàng lương thực của một thời mà việc mua đủ tiêu chuẩn trong sổ gạo cung cấp và tiêu chuẩn thực phẩm trong tem phiếu được xem là hạnh phúc !

Cùng với việc tiếp tục làm sống lại cái thứ bậc theo trật tự đầy thương nghiệp và thương nhân vào bậc cuối cùng của xã hội, cần phải lưu ý đến một dạng tái sinh cái cũ được khoác cho một hình thức mới: "Với sở hữu toàn dân và tập thể kết quả của nhiều đợt cải tạo quan hệ sản xuất, nhà nước thành bao cấp, phân phối theo chức vụ, bằng cấp: xã hội thành ra sống theo phân vị. *Chức năng của Đảng và các đoàn thể đều được nhà nước hóa, còn nhà nước thì quan liêu, bao cấp. Với người dân bị động, biết ơn và trung thành, quan hệ Động và Chính phủ với nhân dân trở thành trên - dưới... thành quan hệ giữa người giác ngộ, cầm quyền với dân chúng. Trong tình hình như vậy, người làm dân tất phải chọn con đường cải thiện phân vị bằng cách kiếm chỗ trong tổ chức Đảng, kiếm bằng cấp, kiếm chỗ trong biên chế, kiếm danh vị cán bộ. Khi đã kiếm được tất phải bám chắc. Nhiều đảng viên, cán bộ không ít trường hợp mất ý nghĩa của người giác ngộ là đây đó dân. Nhiều người không nghĩ đến trách nhiệm phục vụ mà cho nghĩ đến danh vị, chỗ béo bở, kéo người thân, lập bè cánh, sẵn sàng xu nịnh để giữ nó*"²²

²². TRẦN ĐÌNH HUỖU : Sách đã dẫn, trang 186.

Nếu sự phân tầng về kinh tế của giai đoạn kế hoạch hóa tập trung và bao cấp không nổi trội thì sự phân tầng về quyền lực tương đối nổi bật được xem xét theo thứ bậc chức vụ hành chính của bộ máy cầm quyền trong xây dựng kinh tế. Vào biên chế được xem như con đường duy nhất để lập thân và lập nghiệp của tuổi trẻ được cha anh dẫn dắt và động viên. Leo lên các bậc thang cao trong biên chế được định hướng như là *sự thăng tiến xã hội*.

Vậy là sự phân tầng xã hội mà chúng ta cứ ngỡ là không thể có với chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng, *trên thực tế* vẫn đang diễn ra. Chỉ có điều, sự phân tầng ấy không tạo ra động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội mà nó chỉ làm mục ruỗng niềm tin của nhân dân và đặc biệt là thanh niên về chủ nghĩa xã hội.

Một chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ, làm triệt tiêu nguồn động lực của sự phát triển không che lấp được thực trạng phân tầng xã hội trong lòng của cơ chế quan liêu, bao cấp dung dưỡng cho đặc quyền, đặc lợi. Khi phân tích vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng và kéo dài của những năm trước. Đổi Mới, không thể không tìm về một nguyên nhân cơ bản ở những vấn đề đã nói ở trên.

Phân tích về sự phân tầng xã hội trong thời kỳ của cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, nhấn mạnh những mặt thiếu sót của cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" mà chúng ta chịu ảnh hưởng không có nghĩa là phủ định những thành tựu mà chúng ta đã có trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Không có một cơ chế vận hành của kế hoạch tập trung, không thể huy động sức người, sức của cho tiền tuyến vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Những người con, người chồng yên tâm trên vị trí chiến đấu ở tiền phương vì biết rằng ở hậu phương, hợp tác xã đang cưu mang, hỗ trợ cha mẹ, vợ con và gia đình mình khi mà nguồn lao động chủ lực của gia đình đang cầm súng ở tiền phương. Lịch sử từng ghi nhận về sự cần thiết của một cơ chế cần thiết phải vận dụng trong hoàn cảnh chiến tranh, nhằm huy động toàn bộ nhân tài vật lực của hậu phương lớn của cả nước cho tiền tuyến đánh thắng kẻ thù. Không có một cơ chế tập trung được sức người sức của lớn như vậy, không có một sự hy sinh quên mình, tạm thời gạt bỏ những lợi ích cá nhân chính đáng cho nghĩa lớn vì sự sống còn của dân tộc, không thể có sự toàn thắng của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và thống nhất Tổ quốc vào ngày 30 tháng 4 năm 1995.

Song, như Lenin đã từng phân tích: những thiếu sót của con người dường như là sự tiếp tục những ưu điểm của con người những ưu điểm đó cứ tồn tại mãi quá mức cần thiết và lại không thể hiện vào lúc cần thiết, ở chỗ cần thiết, thì lúc đó chúng trở thành khuyết điểm. *Chế độ kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã kéo dài quá mức cần thiết khi bước vào xây dựng thời bình ở miền Bắc và ở cả nước, và đã bộc lộ những thiếu sót, những khuyết điểm mà cần "phải từ bỏ không luyến tiếc" để có thể khắc phục được cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài. "Những năm tháng sau chiến thắng 30 tháng 4 là những năm tháng đầy gian truân: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bị các lực lượng thù địch chống phá từ nhiều phía. Trong bối cảnh như vậy, nhiều vết thương chiến tranh chưa hàn gắn được, nhiều đòi hỏi về đời sống kinh tế giằng xé từng gia đình, hàng chục vạn người di tản rời bỏ đất nước, lạm phát phi mã kéo dài. Những sai lầm*

duy ý chí của chúng ta, những khó khăn yếu kém do duy trì quá lâu nền kinh tế tập trung quan liêu và bao cấp làm cho tình hình thêm trầm trọng"²³

Đổi Mới là một đòi hỏi chín muồi của lịch sử và chúng ta đã hành động đúng với nhu cầu cấp bách của cuộc sống.

4. Phân tầng xã hội mới và động lực của sự phát triển

Đi theo quá trình phát triển tự nhiên của lịch sử chúng ta hy vọng rằng đến giai đoạn cao của sự phát triển, xã hội có thể xóa bỏ được sự bất bình đẳng giữa người và người về mặt kinh tế, nhưng trong thế giới hiện thực chúng ta đang sống, thì sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội vẫn đang là một thực trạng phổ biến. Sự bất bình đẳng ấy gắn liền với sự phân công lao động xã hội.

Vấn đề không phải ở chỗ là muốn hay không muốn có sự bất bình đẳng ấy, mà là ở chỗ phải thừa nhận thực trạng ấy, lý giải nó để có một thái độ thực tế đối với hiện tượng mang tính phổ biến ấy trên cơ sở một phân tích khoa học.

Sự phân công lao động xã hội đang diễn ra trong điều kiện thực tế là mọi người đều không có cùng một năng lực, một trình độ, một hoàn cảnh giống nhau, hơn nữa, năng khiếu và cơ may của từng người cũng rất khác nhau. Sự bất bình đẳng xã hội sẽ chưa thể xóa bỏ được, một khi những điều kiện ấy vẫn còn đang tồn tại

Hai phạm trù phân công lao động xã hội và bất bình đẳng xã hội có những mối tương tác biện chứng. Sự phân tầng xã hội nảy sinh từ mối liên hệ vừa đối lập vừa thống nhất ấy.

Như đã nói ở trên, trong một thời kỳ dài của cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, sự phân tầng xã hội chỉ làm nổi rõ sự bất bình đẳng xã hội về thực chất, mặc dầu chúng ta cứ ngỡ là đã thực hiện được công bằng xã hội do đã xác lập được chế độ công hữu [sở hữu tập thể và sở hữu nhà nước], sự phân tầng ấy không tạo ra động lực.

Đương nhiên, không phải chỉ sự phân tầng xã hội không tạo được động lực, mà nói chung, cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp tồn tại quá lâu trong cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" bị áp đặt, tính năng động xã hội đã dần dần bị giảm sút, thậm chí, trên nhiều lĩnh vực, bị triệt tiêu ! Khi người nông dân lao động vốn cần cù một nắng hai sương, biết vun vén cho tác đất tác vàng để làm ra hạt gạo thì lại chỉ đi làm đồng theo tiếng keng, có lúc lúa chín rụng ngoài đồng không huy động được người đi gặt thì đây là sự thể hiện tập trung của sự phản ứng trở lại với một cơ chế kìm hãm lực lượng sản xuất. Tình trạng "rong công, phóng điểm" trong các đội sản xuất của hợp tác xã sản xuất báo hiệu sự cáo chung

²³. VÕ VĂN KIẾT: Báo *Nhân dân*, ngày 30 tháng 4 năm 1995, trang 3 cột 2.

của một cơ chế quản lý sản xuất đi ngược với lợi ích của người lao động. Người làm thật và người làm vờ, người có năng suất cao cũng như người lười biếng trong công việc đều bị cơ chế bình công chấm điểm cào bằng. Và không riêng gì lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Ngay trên lĩnh vực thương nghiệp, người bán hàng đứng đưng với số hàng bán được, vì lỗ lãi do nhà nước chịu. Trong sản xuất công nghiệp cũng vậy, sản phẩm lao động không trực tiếp gắn với lợi ích của người công nhân làm ra sản phẩm, mọi việc đều đã "kế hoạch hóa", các chỉ tiêu năng suất và lỗ lãi trở thành trừu tượng vì nó không trực tiếp tác động ngay đến thu nhập của người công nhân được trả theo bậc lương trong biên chế nhà nước ! Mà cũng do vậy, tiền lương quá thấp, chỉ có thể duy trì một mức sống tối thiểu cho tuyệt đại bộ phận dân cư, không kích thích được sản xuất. Ngược lại, một số ít người do lợi dụng sơ hở của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh, quản lý vật tư, xuất nhập khẩu, ... đã tranh thủ xà xẻo, đục khoét, lũng đoạn ngầm tích lũy cho bản thân. Một số có cuộc sống khấm khế, "của nôi" cố gắng che đậy, "của chìm" cố gắng cất giấu, tạo ra một cuộc cạnh tranh ngầm và ngoi dân lên khỏi mặt bằng mức sống của đại bộ phận cư dân. Cơ chế đặc quyền, đặc lợi chỉ làm mục ruỗng nền kinh tế bao cấp và kìm hãm lực lượng sản xuất. Những bài giảng và sự thuyết lý về đạo đức trở nên không còn sức thuyết phục, thậm chí lộ bịch vì nó trở thành cái áo khoác che lấp một sự thực phũ phàng của cuộc cạnh tranh không ngang sức, của những cơ may được dành riêng cho một số người, của sự thăng tiến xã hội bị thu vào một hành lang quá hẹp chỉ đủ cho một số người lách vào và len lên ! Cơ may và vận hội chỉ dành cho một số ít còn đại đa số dường như được dành cho một số phận như nhau, không vượt ra được để tìm thấy cơ hội thăng tiến xã hội.

Một chủ nghĩa bình quân được tái sinh dưới cái tên gọi mới, sự bất bình đẳng xã hội cùng với sự phân tầng đẩy tới sự phân hóa xã hội làm triệt tiêu dần động lực của sự phát triển. Chuyển sang kinh tế thị trường là việc cố gắng tạo ra động lực mới của sự phát triển ấy. Từ hướng tiếp cận xã hội học, chúng tôi chỉ phân tích về kinh tế thị trường, hoặc nói cách khác: "nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường", ở khía cạnh khởi động tính năng động xã hội.

Khi sử dụng thuật ngữ "tính năng động xã hội chúng tôi vừa muốn nói đến *tính cơ động xã hội* [social mobility] vốn được dùng trong sách báo xã hội học, trong đó nói lên cái cốt lõi là "*sự di chuyển từ địa vị này sang địa vị khác có thể được hoàn thành bằng các phương tiện nằm trong quyền kiểm soát của cá nhân*"²⁴. Cùng với điều đó, còn muốn diễn đạt về sự năng nổ trong hoạt động của cá nhân nhằm phát huy hết tiềm năng của mình mà không nhất thiết phải có sự di chuyển từ địa vị này sang địa vị khác, sự năng nổ của từng cá nhân tạo nên nhịp sống sôi động của toàn xã hội. Như vậy cũng có nghĩa là ngoài sự di động ngang và di động dọc tạo nên tính cơ động xã hội, cần thấy rõ tiềm năng của từng cá nhân, từng nhóm xã hội và của cả cộng đồng được đánh thức dậy, được phát huy trong một cơ chế cởi mở được dẫn dắt bởi ý thức *dân có giàu lên thì nước mới mạnh được*. Đây là điều mà trong một thời gian dài, cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp không làm được.

²⁴ "A new dictionary of sociology". D. DUNCAN MITCHELL. Nxb Routledge. Tái bản 1989. trang 184.

Mặt tích cực nhất của kinh tế thị trường là nó đặt con người vào trong những điều kiện để có thể bộc lộ hết những mặt mạnh cũng như mặt yếu trong cuộc đua tranh để cố gắng kiếm được lợi ích cao nhất cho mình. Trong nền kinh tế thị trường, mỗi cá nhân phải hành động theo quy luật của mua và bán trong cộng đồng và trong toàn xã hội. Kết quả là lợi ích của cá nhân, lợi ích của cộng đồng và lợi ích của toàn xã hội đều được đẩy tới. Nói động lực của thị trường là lợi ích của cá nhân chính là nói với ý nghĩa ấy.

Quy luật giá trị và giá cả, quy luật cung cầu, quy luật lợi thế trong cạnh tranh, quy luật thưởng phạt hay còn gọi là quy luật về cái giá phải trả cho sự lựa chọn [opportunity cost], v.v... Các quy luật ấy của kinh tế thị trường đòi hỏi tính năng động và bản lĩnh của mỗi cá nhân, của mỗi nhóm xã hội để có thể thắng tiến trong cuộc đua tranh.

Định hướng của nền kinh tế thị trường mà chúng ta mong muốn phải chăng là hướng đến việc *tăng trưởng nhanh, đều, bền vững, trong đó, hiệu quả kinh tế xã hội đều cao, vừa có tự do cá nhân, vừa có công bằng xã hội do vừa có cạnh tranh và kích thích thị trường vừa có đoàn kết và hòa hợp dân tộc nhằm tạo ra một hợp lực, đưa đất nước tiến nhanh về phía trước, tránh được nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới.*

Theo định hướng đó, *một hợp lực tạo nên sự đồng thuận xã hội mới trên một chất lượng mới mà những nét cơ bản có thể thấy được là : hết sức coi trọng tài năng và lợi ích của cá nhân để do đó mà cực kỳ coi trọng sức mạnh của cộng đồng, tôn vinh cá nhân nhưng không rơi vào chủ nghĩa vị kỷ, phát huy cộng đồng mà không hòa tan cá nhân vào trong cộng đồng.*

Trong chất lượng mới của sự đồng thuận xã hội, đặc biệt chú trọng phát huy các nhóm xã hội sau đây :

+ *Nhân tài của dân tộc ở cả trong và ngoài nước không phân biệt họ ở giai cấp nào, tầng lớp nào mà một bộ phận rất quan trọng là trí thức của dân tộc.*

+ *Lớp tự giàu sinh lực được học tập và đã trưởng thành bao gồm tuổi thanh niên và tráng niên có bản lĩnh, có tri thức đã tiếp nhận nhanh và cập nhật với những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại.*

+ *Các nhà doanh nghiệp có bản lĩnh, có tri thức và kinh nghiệm có thể là đối tác cân sức với các nhà đầu tư của nước ngoài, biết vì lợi ích của đất nước gắn liền với lợi ích của cá nhân.*

+ *Lớp người có chức, có quyền ở các cấp được thử thách và sàng lọc đã chứng tỏ được bản lĩnh và phẩm chất đủ để đảm đương vai trò quản lý trong bộ máy hành chính, sự nghiệp.*

+ *Những nguồn lao động giỏi trong sản xuất công nông lâm nghiệp và các hoạt động dịch vụ khác.*

Nền tảng của sự đồng thuận xã hội mới ấy đương nhiên là công nhân và nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận trong các tầng lớp cư dân, chủ lực quân của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế và bộ mặt

của đô thị và của nông thôn. Trong sự phát triển đó, chú ý đầy đủ đến sự phát triển của nông thôn, nơi chiếm 80% dân số và 70% lao động của cả nước với phương thức công nghiệp hóa và đô thị hóa đều *nhằm hỗ trợ cho nông thôn chuyển đổi cơ cấu kinh tế và từng bước nâng cao đời sống vật chất, đặc biệt là đời sống văn hóa, nâng cao mặt bằng dân trí ở nông thôn tiến kịp với đòi hỏi việc xây dựng và phát triển nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hoá.*

Nói tóm lại, *trong mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, có nội dung của cá nhân tự do phát triển để cộng đồng tự do phát triển, đề cao dân tộc mà không coi nhẹ giai cấp và không rơi vào chủ nghĩa biệt lập, hội nhập khu vực và quốc tế mà vẫn giữ được bản sắc của dân tộc và quyền lợi của đất nước.*

Mười năm vừa qua của sự nghiệp Đổi Mới, có thể những nội dung nói trên chưa thực hiện được hoặc chỉ mới manh nha, cũng vì thế, cuộc khảo sát xã hội học của chúng tôi nhằm nhận dạng về cơ cấu xã hội đang chuyển đổi mà sự phân tầng xã hội được chọn là điểm khảo sát tập trung cũng chỉ là bước khởi đầu.

Chúng tôi hiểu rằng, những bước đi ban đầu của nền kinh tế thị trường còn đầy rẫy những chông gai và cạm bẫy. Để tiến tới một thị trường văn minh còn cần phải có thời gian và sự nỗ lực lớn. Nét "hoang dã" là không thể tránh được với kinh tế thị trường buổi sơ khai. Sự phân tầng xã hội của thời kỳ này cũng không thể thoát ra ngoài tình trạng sơ khai đó.

Nhưng do yêu cầu của cuộc khảo sát, chúng tôi tập trung chủ yếu vào tìm hiểu sự phân tầng xã hội và động lực của sự phát triển. Những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường và hệ lụy của nó sẽ được đan xen vào trong quá trình nhận diện về sự bất bình đẳng xã hội và ở kết luận chung. Trong khi tìm hiểu diện mạo của sự phân tầng, sẽ đề cập đến tính hoang dã của nền kinh tế thị trường trong buổi sơ khai, đưa đến những kinh doanh chộp giật và sự lợi dụng sơ hở của nhà nước khi mà hệ thống pháp luật chưa đồng bộ. Chúng tôi cũng sẽ đề cập đến một số nét cơ bản *"nơi người giàu, bị cận thị về sự giàu có, không nhìn thấy chân trời nào khác ngoài những chân trời mà các "quy luật thị trường" hé lộ cho thấy"*²⁵.

Tuy nhiên, không thể không thấy rằng, mặc dù ở những bước đi ban đầu rất sơ khai, nền kinh tế thị trường của ta không thể dung ngoài sự phân công lao động quốc tế và sự hội nhập vào khu vực. Vấn đề là phải tìm cho được phương thức để có sự hội nhập ấy. Những phương thức ấy phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó nổi rõ lên là vai trò của hệ thống chính trị, là kết quả của các chính sách và hoạt động xã hội, đặc biệt là sự vận động tự thân của xã hội dân sự. Trong sự vận động tự thân ấy, những nhóm xã hội với sự cởi mở của cơ chế mới, nhanh nhạy nắm bắt được *cơ may* và *vận hội*, tranh thủ được những lợi thế mới do khả năng của thị trường đem lại biết thích ứng và nắm bắt được nhu cầu thị trường đã vươn lên chiếm lĩnh những vị thế mới. Vấn đề đặt ra chính là, trong quá trình bươn chải để đáp ứng nhu cầu của thị trường, tài năng và bản lĩnh được thử thách và sàng lọc để có thể đứng vững hay sớm lụi tàn. Quá trình đó cũng chính là quá trình hình

²⁵. Federico Mayor, Tổng thư ký UNESCO *Người đưa tin UNESCO*. Số 6 năm 1994. trang 35

thành một tầng lớp xã hội mới mà trước đây xã hội ta chưa có hoặc không được coi trọng: tầng lớp các nhà doanh nghiệp mới, hoặc còn gọi là tầng lớp chức nghiệp các nhà kinh doanh.

Để có thể hình thành tầng lớp chức nghiệp các nhà kinh doanh đó, thì sự bứt lên về kinh tế [thu nhập, sở hữu] phải gắn liền với sự *tái tạo* và *văn hóa*, có vậy mới có thể định hình được một tầng lớp xã hội mới đủ sức làm nòng cốt và thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

Sử dụng khái niệm "tái tạo văn hóa", chúng tôi chịu ảnh hưởng của Max Weber khi ông nhấn mạnh đến yếu tố văn hóa, yếu tố tạo nên sự thay đổi bề sâu của một xã hội. "Chúng ta thường hiểu văn hóa là những khuôn mẫu hành vi, sự định hướng giá trị được con người tiếp thu từ sớm, quy định, điều chỉnh sự giao tiếp giữa con người với nhau và tạo cho con người sự an toàn trong thái độ và hành động của mình. Có thể chuyển định nghĩa của Max Weber sang từ ngữ hiện đại: văn hóa là một cấu trúc có bề sâu. Cuộc sống xã hội được phản chiếu ở bề mặt, dưới bề mặt đó văn hóa được phân chia theo những tầng khác nhau, thường tiềm ẩn và vô thức. Ở độ sâu này, ta thấy có một sự sắp xếp của các quy tắc văn hóa điều chỉnh bề mặt ở bên trên" [trang 180]. Theo Weber "các hệ thống giá trị văn hóa được nhập tâm sâu sắc và bản sắc của mỗi người cũng được quy định bởi bản sắc văn hóa của họ. Nếu không có hệ thống giá trị văn hóa đó thì mỗi cá nhân riêng rẽ không có cơ sở tồn tại. Vì thế, mỗi cá nhân đều phải đồng nhất hóa với các nhóm văn hóa, đồng thời phải có được trong bản thân ý thức về mình với tư cách là cái khác so với người". Khái niệm *tái tạo về văn hoá* bao hàm nội dung về *trình độ học vấn, khả năng tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, hình thành được lối sống thể hiện được mô hình văn hóa ấy*.

Có như vậy, mới có thể nói đến việc nảy sinh một bộ phận mới hình thành nên *tầng lớp ưu tú của xã hội mới, đó là các nhà quản lý giỏi, các nhà khoa học và công nghệ giỏi, các nhà doanh nghiệp giỏi và những người lao động giỏi*.

Giả thuyết nghiên cứu đặt ra trong cuộc khảo sát xã hội học về cơ cấu xã hội là: sự phân tầng xã hội trong nền kinh tế thị trường đang tạo ra động lực của sự phát triển chính là được xây dựng lên từ những ý tưởng đã được trình bày ở trên.

Biện chứng của cuộc sống đòi hỏi phải nhìn sự vật ở tất cả những mặt đối lập mặt trái của tám huân chương luôn luôn tồn tại. Nhưng do yêu cầu của cuộc khảo sát, chúng tôi sẽ không phân tích kỹ về mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, những hệ lụy không tránh khỏi của nó đang bộc lộ ngày càng rõ. Công việc ấy là tuyệt đối cần thiết, song ở đây chúng tôi chỉ đề cập ở một chừng mức có thể, còn phân tích kỹ chúng tôi phải dành lại cho một công trình tiếp theo sau khi đã dồn sức nhận dạng và phân tích về động lực của sự phát triển từ sự phân tầng xã hội ở những bước sơ khai của kinh tế thị trường ở nước ta.

[Xem tiếp ở Mục *Xã hội học thực nghiệm và Trao đổi nghiệp vụ cùng trong số Tạp chí này*]